

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BẾN CẦU
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 58/2018/HNGĐ-ST

Ngày 31-10-2018

V/v tranh chấp về ly hôn

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẾN CẦU – TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trang Thái Châu.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Văn Tảo;

Ông Nguyễn Thành Tới.

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Lê Tiến Danh – Thư ký Tòa án.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa:* Ông Hoàng Đình Lương - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 10 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 301/2018/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 10 năm 2018 về “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 66/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 18 tháng 10 năm 2018 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* chị Lâm Thị V, sinh năm 1990.

Địa chỉ: ấp X, xã Y, huyện Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh. có mặt

2. *Bị đơn:* anh Nguyễn Tấn L, sinh năm 1987.

Địa chỉ: ấp X, xã Y, huyện Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh. có mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 12-10-2018 và trong quá trình tham gia tố tụng, nguyên đơn chị Lâm Thị V trình bày: Chị V và anh Nguyễn Tấn L kết hôn vào năm 2010, có đăng ký kết hôn và được UBND xã Y, huyện Bến Cầu cấp giấy chứng nhận kết hôn. Vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian thì bắt đầu P sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng về quan điểm sống, không hợp nhau về tính tình nên từ đó dẫn đến cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc và ly thân từ tháng 8-2018 cho đến nay. Xét thấy tình cảm không còn, không thể hàn gắn nên chị V yêu cầu ly hôn với anh Nguyễn Tấn L.

- Về con chung: Chị V và anh L có hai con chung tên Nguyễn Tấn P, sinh ngày 05-8-2011 và Nguyễn Thanh T, sinh ngày 19-8-2013; cháu P đang sống với

anh L, cháu T đang sống với chị V. Chị V yêu cầu được nuôi dưỡng cháu T, giao cháu P cho anh L nuôi dưỡng, không ai phải cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: Chị V không yêu cầu giải quyết.

Bị đơn anh Nguyễn Tấn L khai: Về quan hệ hôn nhân và nguyên nhân mâu thuẫn anh L thừa nhận như lời trình bày của chị V. Ngoài ra, anh còn thừa nhận do trước đây anh thường hay đánh bạc ăn thua bằng tiền nên vợ chồng không hạnh phúc và ly thân từ tháng 9-2018 cho đến nay. Xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, không thể hòa giải nên chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Lâm Thị V.

- Về con chung: Anh và chị V có hai con chung tên Nguyễn Tấn P, sinh ngày 05-8-2011 và Nguyễn Thanh T, sinh ngày 19-8-2013; cháu P đang sống với anh L, cháu T đang sống với chị V. Tại phiên tòa, anh L yêu cầu được nuôi dưỡng cháu P và cháu T, không yêu cầu chị V cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: Anh L không yêu cầu giải quyết.

Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và nguyên đơn, bị đơn là đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào phòng nghị án, Kiểm sát viên không P hiện vi phạm tố tụng.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 56, 71, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình; Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Lâm Thị V đối với anh Nguyễn Tấn L; giao Nguyễn Tấn P cho anh L nuôi dưỡng, giao Nguyễn Thanh T cho chị V nuôi dưỡng. Về tài sản chung, nợ chung không yêu cầu nên không giải quyết.

Về án phí: Chị V phải chịu án phí theo qui định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án do các bên cung cấp và qua kết quả thẩm tra các chứng cứ tại phiên tòa, xét thấy:

[1]. Về tố tụng: Chị Lâm Thị V có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Bến Cầu giải quyết hôn nhân giữa chị V và anh Nguyễn Tấn L, anh L có nơi cư trú tại huyện Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bến Cầu theo qui định tại Điều 28 và Điều 35 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Về hôn nhân: Chị V và anh L kết hôn vào năm 2010, có đăng ký kết hôn và được cấp giấy chứng nhận kết hôn là hôn nhân hợp pháp. Về nguyên nhân mâu thuẫn giữa chị V và anh L xuất P từ việc anh L đánh bạc, bất đồng về quan điểm sống và không còn hợp nhau về tính tình. Tòa án tiến hành hòa giải để tạo điều kiện hàn gắn, đoàn tụ nhưng anh L có đơn hoà giải, xét xử vắng mặt và chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị V. Xét thấy tình trạng vợ chồng giữa chị V và anh L đã đến

mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân và Gia đình chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị V.

[3]. Về con chung: Chị V và anh L thống nhất có hai con chung tên Nguyễn Tấn P, sinh ngày 05-8-2011 và Nguyễn Thanh T, sinh ngày 19-8-2013; cháu P đang sống với anh L, cháu T đang sống với chị V. Chị V yêu cầu được nuôi dưỡng cháu T, giao cháu P cho anh L nuôi dưỡng. Anh L yêu cầu được nuôi cháu P, cháu T. Xét thấy, anh L là tài xế lái xe tại Campuchia, việc chăm sóc cháu P hiện nay phải thuê người chăm sóc. Hơn nữa, thu nhập hàng tháng khoảng 9.000.000 đồng nhưng không thường xuyên nên không đảm bảo đủ điều kiện vật chất để chăm sóc cháu P và cháu T. Do đó, giao cháu P cho anh L; giao cháu T cho chị V nuôi dưỡng là hợp với nguyện vọng của cháu P và đảm bảo quyền lợi mọi mặt của con chung, phù hợp với qui định tại Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình. Ghi nhận chị V, anh L không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con, chị V và anh L được quyền thăm nom con chung theo qui định tại Điều 82 Luật hôn nhân và Gia đình.

[4]. Về tài sản chung và nợ chung: Chị V và anh L không yêu cầu nên không giải quyết.

[5]. Về án phí: Chị Lâm Thị V phải chịu án phí theo qui định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình; Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Lâm Thị V đối với anh Nguyễn Tấn L. Chị V được ly hôn với anh L.

2. Về con chung: Giao Nguyễn Tấn P, sinh ngày 05-8-2011 cho anh L; giao Nguyễn Thanh T, sinh ngày 19-8-2013 cho chị V tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Ghi nhận chị V và anh L không ai yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung. Không ai được cản trở chị V và anh L thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Chị V và anh L không yêu cầu nên không giải quyết.

4. Về án phí: Chị Lâm Thị V phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, khấu trừ số tiền tạm ứng án phí chị V đã nộp 300.000 đồng theo biên lai số: **0021658** ngày 12-10-2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh. Anh Nguyễn Tấn L không phải chịu án phí.

5. Về quyền kháng cáo bản án: Chị Lâm Thị V và anh Nguyễn Tấn L có quyền kháng cáo theo trình tự thủ tục phúc thẩm lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND huyện Bến Cầu;
- C.c THADS huyện Bến Cầu;
- UBND xã Y (lưu);
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Trang Thái Châu